

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 10 năm 2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Loan

Bà Nguyễn Thị Ánh.

- Thư ký phiên tòa : Bà Lê Phan Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXX-ST ngày 12/9/2019; Quyết Đ hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tu Thị Ngọc T - sinh năm 1994; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

(Có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc Đ - sinh năm 1988; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019; bản tự khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn chị Tu Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc Đ tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung với nhau từ năm 2010, sau đó đến năm 2012 mới đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa và đã được cấp giấy chứng nhận số 04, quyền số 01/2012 ngày 10 tháng 02 năm 2012.

Quá trình sống chung, thời gian đầu giữa vợ chồng chị có hạnh phúc nhưng về sau, cụ thể vào năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra kinh cãi, xích mích, anh Đ ham chơi, sống vô trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, chị khuyên thì Đ không nghe mà còn đánh đập chị; chị và gia đình hai bên cũng đã nhiều lần nói chuyện góp ý với anh Đ để cùng giải quyết vấn đề nhưng anh Đ không thay đổi. Từ tháng 5 năm 2019 đến nay, vợ chồng chị không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, không muốn hàn gắn đoàn tụ với anh Đ nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Giữa chị và anh Đ có 03 (ba) con chung là Trần Thị Quỳnh N (sinh ngày 24 tháng 10 năm 2011), Trần Ngọc H (sinh ngày 22 tháng 02 năm 2015) và Trần Gia H (sinh ngày 22 tháng 02 năm 2015), hiện nay chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 (ba) con chung đến 18 (mười tám) tuổi. Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T đề nghị để chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với anh Trần Ngọc Đ trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ theo quy định của pháp luật, cụ thể như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để anh Đ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

1. *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tu Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa chị T với anh Đ là “*Tranh chấp về ly hôn*”. Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa là Tòa án nơi mà anh Đ cư trú theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Tại phiên tòa anh Trần Ngọc Đ dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Ngọc Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tu Thị Ngọc T và anh Trần Ngọc Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa và đã được cấp giấy chứng nhận số 04, quyển số 01/2012 ngày 10 tháng 02 năm 2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tu Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc Đ. Về nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ, theo chị T xác định: Do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, xích lại. Mặc dù chị và gia đình hai bên cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng không thành công. Từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay, chị T và anh Đ đã sống ly thân, hiện giữa cả hai đã không còn quan hệ với nhau về mọi mặt, từ chuyện tình cảm đến kinh tế.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Ngọc Đ cũng đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập họp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Tu Thị Ngọc T nhưng anh Đ đều không có mặt để làm việc. Điều đó chứng tỏ anh Đ đã không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân giữa anh và chị T nữa.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Tu Thị Ngọc T và anh Trần Ngọc Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tu Thị Ngọc

T đối với anh Trần Ngọc Đ.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tu Thị Ngọc T và anh Trần Ngọc Đ có 03 (ba) con chung là Trần Thị Quỳnh N (sinh ngày 24 tháng 10 năm 2011), Trần Ngọc H (sinh ngày 22 tháng 02 năm 2015) và Trần Gia H (sinh ngày 22 tháng 02 năm 2015). Chị T trình bày hiện tại chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 (ba) con chung đến 18 (mười tám) tuổi. Tại biên bản lấy lời khai cháu Trần Thị Quỳnh N có nguyện vọng được ở với mẹ, được mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; các con chung Trần Ngọc H và Trần Gia H hiện đang con nhỏ, lại là con gái. Xét thấy để tạo điều kiện phát triển cho các con chung, cần tiếp tục giao các con chung Trần Thị Quỳnh N, Trần Ngọc H và Trần Gia H cho chị Tu Thị Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét;

[4] Về tài sản chung: Chị T đề nghị để chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về nợ chung: Chị T xác Đ vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Tu Thị Ngọc T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; chị Tu Thị Ngọc T được ly hôn với bị đơn anh Trần Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao 03 (ba) con chung là Trần Thị Quỳnh N (sinh ngày 24 tháng 10 năm 2011), Trần Ngọc H (sinh ngày 22 tháng 02 năm 2015) và Trần Gia H (sinh ngày 22 tháng 02 năm 2015) cho chị Tu Thị Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Tu Thị Ngọc T không yêu cầu anh Trần Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Ngọc Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị T, anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tu Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006855 ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã Vạn Thọ
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2012 ngày 10 tháng 02 năm 2012);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, AV, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vì Nhật Hoàng